

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9 – ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2026/HNGĐ - ST

Ngày: 01-4-2026.

V/v: Kiện ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nụ.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Khắc Vũ.

2. Ông Nguyễn Văn Độ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thúy Hằng -Thư ký, Tòa án nhân dân khu vực 9 – Đắk Lắk.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Đắk Lắk: Ông Trương Công Luật - Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 4 năm 2026 tại phòng xử án - Tòa án nhân dân khu vực 9 – Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 188/2025/TLST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2025, về việc “Kiện ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 04/3/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 21/2026/QĐST-HNGĐ ngày 17/3/2026, giữa:

1. *Nguyên đơn:* Bà Hoàng Thị M - Sinh năm 1995; CCCD số 004195008119, cấp ngày 20/01/2022. Địa chỉ: Thôn C, xã E, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Hoàng Văn T - Sinh năm 1988; CCCD số 004088006832, cấp ngày 15/9/2022. Địa chỉ: Thôn C, xã E, tỉnh Đắk Lắk. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện và trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn bà Hoàng Thị M trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Hoàng Thị M và ông Hoàng Văn T tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk vào năm 2013 (Nay là UBND xã E, tỉnh Đắk Lắk). Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian, thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất

đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cãi vã nhau và đã sống ly thân với nhau nhiều năm. Bà M không còn tình cảm vợ chồng với ông T, nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà M được ly hôn với ông Hoàng Văn T.

- Về con chung: Bà M và ông T có 01 con chung là Hoàng Thị Yến N - sinh ngày 12/4/2012.

Nay ly hôn, ông Hoàng Văn T trực tiếp nuôi dưỡng cháu N.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Bà M không cấp dưỡng nuôi con

- Về tài sản, công nợ: Bà M không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Trong quá trình tham gia tố tụng bị đơn ông Hoàng Văn T trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Ông Hoàng Văn T và bà Hoàng Thị M tự nguyện chung sống với nhau và đăng ký kết hôn và mâu thuẫn vợ chồng như bà M đã trình bày. Bà M và ông T đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay, nên ông T đồng ý ly hôn với bà M.

- Về con chung: Ông T và bà M có 01 con chung là Hoàng Thị Yến N - sinh ngày 12/4/2012.

Nay ly hôn, ông T đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng Hoàng Thị Yến N - sinh ngày 12/4/2012 đến khi đủ 18 tuổi.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản và nợ chung: Ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*** Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9 - Đắc Lắc về quá trình giải quyết vụ án:**

1. Về thủ tục tố tụng: Quá trình thu thập tài liệu chứng cứ, Tòa án đã thu thập đầy đủ và đúng trình tự theo quy định pháp luật về tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử và những người tiến hành tố tụng đã chấp hành đầy đủ, đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

2. Về nội dung vụ án: Căn cứ khoản khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điều 227; 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, khoản 1 Điều 5, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình. Đề nghị Hội đồng xét xử, chấp nhận đơn khởi kiện của bà M. Bà Hoàng Thị M được ly hôn với ông Hoàng Văn T.

- Về con chung và cấp dưỡng nuôi con: Các đương sự có 01 con chung là Hoàng Thị Yến N - sinh ngày 12/4/2012.

Giao con chung Hoàng Thị Yến N - sinh ngày 12/4/2012 cho ông Hoàng Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi);

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đề cập xem xét giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải

quyết, nên không đề cập xem xét giải quyết.

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí về ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về quan hệ pháp luật và thủ tục tố tụng:

Đây là vụ án “Kiện ly hôn”, việc Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt và bị đơn đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt tất cả những người tham gia tố tụng.

[2] Về nội dung:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Bà Hoàng Thị M và ông Hoàng Văn T tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại UBND xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 03/10/2013 (Nay là UBND xã E, tỉnh Đắk Lắk).

Quá trình chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng không có tiếng nói chung, dẫn đến vợ chồng không còn thương yêu và tôn trọng nhau, cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, nên bà M muốn được ly hôn với ông T.

Xét thấy, Bà M và ông T hiện nay không còn yêu thương, chăm sóc, quý trọng lẫn nhau và đã sống ly thân với nhau từ năm 2017 cho đến nay, hôn nhân không còn hạnh phúc và mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, yêu cầu ly hôn của bà M là có căn cứ, nên cần chấp nhận.

- *Về con chung:* Trong thời gian chung sống bà M và ông T có 01 con chung là Hoàng Thị Yến N - sinh ngày 12/4/2012.

Bà M tự nguyện giao con cho ông T trực tiếp nuôi dưỡng và ông T cũng đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng con chung Hoàng Thị Yến N - sinh ngày 12/4/2012, điều này cũng phù hợp với nguyện vọng của các cháu N muốn được ở với ông T. Xét sự thống nhất nguyện vọng của các đương sự về việc nuôi con chung, nên cần giao con chung Hoàng Thị Yến N - sinh ngày 12/4/2012 cho ông Hoàng Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết, nên không đề cập xem xét giải quyết.

Bà Hoàng Thị M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung và trợ cấp nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết, nên không đề cập xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Cần buộc bà Hoàng Thị M phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 53, khoản 1 Điều 56 và Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Hoàng Thị M. Bà Hoàng Thị M được ly hôn với ông Hoàng Văn T.

2. Về con chung: Giao con chung Hoàng Thị Yến N - sinh ngày 12/4/2012 cho ông Hoàng Văn T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi trưởng thành (đủ 18 tuổi).

3. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết, nên không đề cập xem xét giải quyết.

Bà Hoàng Thị M có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con chung và trợ cấp nuôi con chung.

4. Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Toà án giải quyết, nên không đề cập xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Bà Hoàng Thị M phải chịu 300.000 đồng án phí HNGĐ sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà bà M đã nộp tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 9 - Đắc Lắc, theo biên lai số 0004295, ngày 11/11/2025.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 9;
- Phòng THADS khu vực 9;
- UBND Ea Wy - Đắk Lắk
(GCNKH số 177 ngày 03/10/2013);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Nụ